

Số: 21 /2021/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 19 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định mật độ chăn nuôi**  
**trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của  
Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại  
Tờ trình số 277/TTr-SNN ngày 31 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quyết  
định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm  
2030.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về mật độ chăn nuôi ở các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2. Mật độ chăn nuôi**

Mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030 tối đa không quá 1,5 đơn vị vật nuôi (ĐVN)/01 ha đất nông nghiệp, trong đó mật độ chăn nuôi tại các huyện, thị xã, thành phố cụ thể như sau:

1. Thành phố Bà Rịa: tối đa không quá 0,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
2. Huyện Đất Đỏ: tối đa không quá 1,9 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
3. Huyện Long Điền: tối đa không quá 0,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
4. Thị xã Phú Mỹ: tối đa không quá 1,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
5. Thành phố Vũng Tàu: Tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
6. Huyện Châu Đức: tối đa không quá 1,9 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
7. Huyện Xuyên Mộc: tối đa không quá 1,9 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
8. Huyện Côn Đảo: tối đa không quá 0,1 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

### **Điều 3. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan**

1. Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện quy định này ở các địa phương; chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi của các vùng chăn nuôi trong tỉnh trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã xác định diện tích đất nông nghiệp làm căn cứ cho các địa phương tính toán, xác định điều chỉnh kế hoạch phát triển chăn nuôi cho phù hợp.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động thực hiện quy định này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các tổ chức thành viên của Mặt trận, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu triển khai tuyên truyền, vận động thực hiện quy định này.

5. Các sở, ngành liên quan căn cứ Quyết định này triển khai các nội dung thuộc thẩm quyền.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

1. Căn cứ quy định về mật độ chăn nuôi để tổ chức quản lý hoạt động chăn nuôi trên địa bàn, định hướng xây dựng kế hoạch chăn nuôi của địa phương;

2. Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh để thẩm định yêu cầu về mật độ chăn nuôi của các Dự án đầu tư chăn nuôi trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

3. Thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề kiến nghị, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định về mật độ chăn nuôi trong trường hợp cần thiết;

4. Tổ chức tuyên truyền quy định này cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi tại địa phương.

**Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh**

1. Có quy mô chăn nuôi phù hợp với loại hình chăn nuôi, vùng quy hoạch chăn nuôi, quy mô dự án chăn nuôi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch phát triển chăn nuôi của địa phương để đảm bảo mật độ chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

2. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về hoạt động chăn nuôi.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .01. tháng .01. năm 2022.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TTr. HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT-UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Trung tâm Công báo tỉnh- Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo BR-VT;
- Lưu: VT, SNN&PTNT, KTN. (5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Vinh